

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI KÌ HK2 – MÔN NGỮ VĂN 7

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Đọc - Hiểu (4 điểm)

- Nhận biết + thông hiểu: **2 điểm** (trắc nghiệm 4 câu)
- Vận dụng: **2 điểm** (tự luận 2 câu)
- + Kiến thức tiếng Việt;
- + Hiểu được nội dung chính, ý nghĩa, thông điệp của văn bản;
- + Cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của hình ảnh, chi tiết xuất hiện trong văn bản;
- + Từ nội dung ngữ liệu, học sinh trình bày quan điểm, suy nghĩ, rút bài học, vận dụng của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Lưu ý: Kiến thức tiếng Việt có thể trắc nghiệm hoặc tự luận.

2. Làm văn (6 điểm)

Vận dụng cao: Viết bài văn hoàn chỉnh

- Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa (Thể loại: Văn bản thông tin; Truyện khoa học viễn tưởng)
- Tiếng Việt: Số từ; Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ.
- Làm văn: Văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ
- + Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- + Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- + Một cây làm chẳng nên non,
- Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

II. MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1

I. ĐỌC HIỂU (4,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích:

Tôi được biết cái ngã “may mắn” đã hất tôi xuống một đường hầm gần như thẳng đứng. Cuộc di chuyển kinh khủng ấy đã ném tôi vào tay giáo sư, bất tỉnh và máu me đầy người.

[...]

- Biển!

- Phải! - Giáo sư đáp - Biển Li-đen-bróc đấy! Chắc chắn không một nhà hàng hải nào tranh chấp với chủ về niềm vinh dự đã khám phá ra cái biển ngầm này và về quyền lấy tên mình đặt cho biển!

Một làn nước rộng trải ra mênh mông quá tầm mắt. Từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn rải rác những vỏ ốc, vỏ sò. Tiếng sóng vỗ bờ rì rào âm vang. Bọt sóng nhẹ tung bay theo gió, phủ vào mặt tôi.

Trên bãi thoải thoải này, ở cách mép sóng một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đã như xé toạc bờ biển, đâm ra khơi thành những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương.

Đây quả thật là một đại dương với đường nét bờ biển thất thường hết như ở những biển trên mặt đất, nhưng vắng vẻ và hoang dã một cách kinh khủng.

Sở dĩ tôi có thể phóng tầm mắt ra tít ngoài khơi vì mọi chi tiết trên biển đều được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt, không phải ánh sáng Mặt Trời với những tia nắng huy hoàng rực rỡ, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo, nhợt nhạt và mờ ảo của Mặt Trăng. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.

Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động. Tôi cứ ngỡ dưới một áp suất lớn như vậy của khí quyển, nước không thể bay hơi được, nhưng vì một lí do nào đó, trên cao lại dày đặc những đám mây lớn. Tuy vậy, đây vẫn không phải là Mặt Trời nên ánh sáng không nóng, hơn nữa còn gây ra một ấn tượng hết sức u sầu và ảm đạm! Ở trên những đám mây đáng lẽ phải là một bầu trời sao lấp lánh, lại thấy một vòm đá hoa cương đang dồn hết sức nặng lên người tôi và cả khoảng không gian dù bao la thế nào chẳng nữa ấy cũng không thể đủ chỗ cho một vệ tinh khiêm tốn nhất du hành.

Như vậy, chúng tôi bị giam trong một cái hang rộng đến nỗi không thể ước lượng được diện tích. Từ “hang” và cả những từ khác trong tiếng nói của loài người cũng

không đủ ý để miêu tả cái nơi rộng mênh mông này. Tôi cũng không biết nên dùng hiện tượng địa chất nào để giải thích sự tồn tại của một chỗ như vậy.

[...] Tôi đứng lặng ngắm tất cả những kì quan này mà tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!

Điều này cũng dễ hiểu, vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!

(Trích *Cuộc du hành vào lòng đất*, Giuyn Véc-nơ, Bích Thủy dịch, NXB Thanh niên, 2000)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện khoa học viễn tưởng
- B. Văn bản thông tin
- C. Truyện cổ tích
- D. Tản văn

Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Kể lại câu chuyện nhân vật “tôi” khám phá ra một hành tinh mới
- B. Kể lại câu chuyện nhân vật “tôi” bị tai nạn, rơi vào một chiếc hang rộng vô cùng
- C. Kể lại câu chuyện nhà khoa học khám phá ra vùng biển Li-đen-bróc
- D. Kể lại câu chuyện vị giáo sư khám phá ra một hòn đảo bí ẩn

Câu 3. Ý nào sau đây nhận xét đúng về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

- A. Sử dụng nhiều chi tiết thần kì, hoang đường, không có thực
- B. Sử dụng nhiều cảnh tượng mang yếu tố thần linh, siêu nhiên
- C. Tạo ra tình huống li kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết
- D. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng nhưng có cơ sở khoa học

Câu 4. ... vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp... có mấy số từ?

- A. Bốn
- B. Ba
- C. Hai
- D. Một

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 5. Theo em, vì sao cuối đoạn trích, nhân vật “tôi” lại *ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi*?

Câu 6. Giả sử ở trong hoàn cảnh của nhân vật “tôi”, tiếp theo phần cuối đoạn trích, em sẽ có suy nghĩ và hành động như thế nào? Trình bày từ 3 đến 5 câu, trong đó có một câu mở rộng thành phần chủ ngữ.

II. VIẾT (6,0 ĐIỂM)

Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về câu tục ngữ *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN NGỮ VĂN – KHỐI: 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	HS có thể diễn đạt theo cách riêng nhưng cần thể hiện được: - Do vẻ đẹp trong lòng hang dưới mặt đất quá sức tưởng tượng của nhân vật "tôi". - Nhân vật “tôi” cảm thấy choáng ngợp trước vẻ đẹp ấy. - ...	1,0
	6	- HS tự do thể hiện trí tưởng tượng, suy nghĩ của bản thân. Nội dung phù hợp, diễn đạt mạch lạc, đủ số câu. - Có sử dụng một câu mở rộng thành phần chủ ngữ. Chú thích rõ ràng.	1,0
II		VIẾT	6,0
		Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về câu tục ngữ <i>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</i>	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận - Mở bài nêu được vấn đề - Thân bài triển khai được vấn đề - Kết bài khẳng định được vấn đề	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Lòng biết ơn	0,5
		c. Triển khai vấn đề cần bàn luận HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của về câu tục ngữ, đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: + Giới thiệu được câu tục ngữ: <i>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</i> và vấn đề cần bàn luận: Lòng biết ơn.	4,0

	<p>+ Thể hiện ý kiến về vấn đề đó.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>+ Giải thích: <i>Ăn quả là gì? kẻ trồng cây là gì? => Ăn quả nhớ kẻ trồng cây là gì?</i></p> <p>+ Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý kiến 1 (Trình bày lí lẽ, bằng chứng đa dạng, thuyết phục làm sáng tỏ ý kiến). - Nêu ý kiến 2 (Trình bày lí lẽ, bằng chứng đa dạng, thuyết phục làm sáng tỏ ý kiến). - ... <p>+ Bàn luận vấn đề ở khía cạnh khác / Lật lại vấn đề.</p> <p>Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá ngoại lệ, bổ sung ý để vấn đề thêm toàn vẹn.</p> <p>(Cần sắp xếp các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí và sử dụng các từ ngữ có chức năng chuyển ý)</p> <p>* Kết bài:</p> <p>+ Khẳng định lại ý kiến.</p> <p>+ Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương hướng hành động.</p>	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,5
	<i>e. Sáng tạo</i>	0,5
	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có cách diễn đạt mới mẻ.	
TỔNG ĐIỂM		10,0

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

TRÒ CHƠI DÂN GIAN: NHẢY DÂY

“Nhảy dây là trò chơi dân gian Việt Nam có từ lâu đời, được mọi người yêu thích, lại còn dễ dàng tổ chức ở mọi nơi, những lúc rảnh rỗi. Trò chơi giúp rèn luyện khả năng bật cao, dẻo dai và phối hợp đồng đội tốt.

1. Chuẩn bị trước khi chơi: không gian chơi trên mặt phẳng không có chướng ngại vật. Diện tích chơi rộng hay hẹp phụ thuộc vào cách chơi và số lượng người tham gia chơi. Địa điểm lí tưởng để chơi nhảy dây là sân trường, sân chơi, bãi đất trống. Người chơi, trò chơi nhảy dây phù hợp với tất cả mọi người, cả nam và nữ, mọi lứa

tuổi khác nhau. Số lượng người chơi cũng không nên quá đông từ 5 đến 8 người chơi, khiến cho các lượt chơi lâu hoặc khó quản lí. Có thể chia người chơi thành đội hoặc chơi cá nhân. Chuẩn bị dây chơi, tùy vào hình thức chơi nhảy dây, có thể sử dụng dây chơi kết bằng thun, nylon hoặc dây day, vải sợi to, xơ dừa, chạc.

2. Cách chơi nhảy dây: Có rất nhiều cách thức chơi nhảy dây khác nhau. Tuy nhiên về cơ bản, người chơi đều phải tuân thủ luật đó là người nhảy không được giẫm chân lên trên dây. Nếu giẫm phải dây là thua cuộc. Có thể chọn luật chơi là nhảy cả hai chân cùng nhau hoặc nhảy kiểu chân trước chân sau...Sau đây là cách chơi nhảy dây nhóm đội nhiều người. Trước tiên, chia số lượng người chơi thành hai nhóm có số lượng bằng nhau. Tiếp theo, hai đội oẳn tù tì chọn ra đội chơi trước. Đội thua cử hai thành viên là người cầm hai đầu dây. Đội thắng thực hiện lượt chơi của mình. Có thể chọn luật chơi cho một người chơi một lúc hoặc nhiều người vào nhảy dây theo lần lượt hoặc cho hai người cùng nhảy một lượt, song không được để dây chạm vào chân mình. Người nào để dây chạm vào chân thì đội đó bị dừng cuộc chơi và đội đang quăng dây sẽ vào thay thế."

(Trích Thuvientrochoi.com)

Câu 1. (0.5 điểm) Đoạn trích “Trò chơi dân gian: nhảy dây” được viết theo thể loại?

- A. Nghị luận. B. Văn bản thông tin. C. Thơ. D. Vè.

Câu 2. (0.5 điểm) Xác định số từ trong câu sau?

“Trước tiên, chia số lượng người chơi thành hai nhóm có số lượng bằng nhau. Tiếp theo, hai đội oẳn tù tì chọn ra đội chơi trước.”

- A. Số. B. Nhóm. C. Hai. D. Đội.

Câu 3. (0.5 điểm) Cho biết ý nghĩa của số từ vừa xác định trong câu trên?

- A. Chỉ số lượng nhóm chơi, đội chơi.
B. Chỉ số thứ tự nhóm chơi, đội chơi.
C. Chỉ số lượng và số thứ tự nhóm chơi, đội chơi.
D. Chỉ số lượng ước chừng.

Câu 4. (0.5 điểm) Nội dung chính của đoạn trích?

- A. Giới thiệu các trò chơi dân gian.
B. Nêu ý nghĩa của trò chơi dân gian.
C. Nêu mục đích trò chơi nhảy dây.
D. Giới thiệu cách thực hiện trò chơi nhảy dây.

Câu 5. (1.0 điểm) Bài học mà em rút ra để giữ gìn nét đẹp các trò chơi dân gian ?

Câu 6. (1.0 điểm) Hãy kể tên 1 trò chơi dân gian khác? Nêu một vài hiểu biết của em về trò chơi đó?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về câu tục ngữ: “ Có công mài sắt, có ngày nên kim”.

-HẾT-

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	HS trả lời 2 trong số các ý sau: Bài học: + Chơi các trò chơi dân gian; + Tuyên truyền, chia sẻ để các bạn và mọi người được biết và chơi các trò chơi... (Chấp nhận ý kiến khác nếu hợp lí) (Lưu ý: hs không lặp lại lệnh câu hỏi ở câu trừ 0.25 điểm)	1.0
	6	Từ nội dung đoạn trích hs liên tưởng đến 1 trò chơi dân gian: - Trò chơi kéo co, cướp cờ, ô ăn quan,... - HS nêu được một vài hiểu biết về trò chơi dân gian. (Lưu ý: hs không lặp lại lệnh câu hỏi ở câu trừ 0.25 điểm)	0.5 0.5
II		VIẾT	6,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khẳng định được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> HS viết bài văn nghị luận.	0,25
		<i>c. Nghị luận về vai trò của tự học trong cuộc sống.</i>	
		Mở bài: – Dẫn dắt; - Nêu vấn đề cần nghị luận: đức tính kiên trì. - Trích dẫn câu tục ngữ; Thân bài: – Giải thích câu tục ngữ. - Biểu hiện của người có tính kiên trì. (Kết hợp nêu bằng chứng) - Vai trò, ý nghĩa của tính kiên trì. - Lật lại vấn đề. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề. - Rút ra bài học.	5.0

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.</i>	0,25
		(Lưu ý: Trân trọng sự sáng tạo của học sinh)	

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 3

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và chọn câu trả lời đúng nhất:

CÁCH NẤU CANH RAU NGÓT VỚI THỊT LỢN NẠC

(1) Nguyên liệu đủ cho hai bát:

- Rau ngót: 300 g (2 mớ) ;
- Thịt lợn nạc thăn: 150 g ;
- Nước mắm, mì chính, muối.

(2) Cách làm:

- Rau ngót chọn loại lá nhỏ, tươi, non, tuốt lấy lá, bỏ cọng, rửa sạch, vò hơi giập.
- Thịt lợn nạc rửa sạch, thái miếng mỏng (hoặc băm nhỏ).
- Cho thịt vào nước lã, đun sôi, hớt bọt, nêm nước mắm, muối vừa ăn, cho rau vào đun sôi khoảng 2 phút, cho chút mì chính rồi bắc ra ngay.

(3) Yêu cầu thành phẩm:

- Trạng thái: Rau chín mềm, tỉ lệ nước – cái là 1-1;
- Màu sắc: Rau xanh, nước trong;
- Mùi vị: Canh thơm mùi đặc trưng của nguyên liệu, độ ngọt cao, vị vừa ăn.
(Theo Hai trăm món ăn dân tộc, Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2, trang 25, NXBGD)

Câu 1(0.5 điểm): Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản nghị luận.
- B. Văn bản truyện ngụ ngôn.
- C. Văn bản truyền thuyết.
- D. Văn bản thông tin.

Câu 2(0.5 điểm): Mục đích của văn bản trên là gì?

- A. Giới thiệu cách nấu một món ăn.
- B. Giới thiệu cách thức tiến hành một hoạt động.
- C. Hướng dẫn cách nấu canh rau ngót với thịt lợn nạc.
- D. Hướng dẫn cách thức thực hiện một trò chơi.

Câu 3 (0.5 điểm): Theo văn bản, để nấu canh rau ngót với thịt lợn nạc thì cần những nguyên liệu nào?

- A. Rau ngót, thịt lợn nạc thăn, nước mắm, mì chính, muối.
- B. Rau ngót, thịt lợn, nước mắm.
- C. Thịt lợn nạc, rau ngót, mì chính.
- D. Rau ngót, thịt lợn nạc, muối.

Câu 4 (0.5 điểm): Qua việc đọc văn bản trên, em hiểu thế nào là một món ăn ngon?

- A. Món ăn ngon là món ăn sử dụng các thực phẩm an toàn.
- B. Món ăn ngon là món ăn sử dụng các thực phẩm an toàn, được chế biến phù hợp với khẩu vị, cân đối dinh dưỡng.
- C. Món ăn ngon là món ăn được chế biến phù hợp với khẩu vị, cân đối dinh dưỡng.
- D. Món ăn ngon là món ăn sử dụng các thực phẩm an toàn, được chế biến phù hợp với khẩu vị, cân đối dinh dưỡng và được trang trí đẹp mắt,...

Câu 5 (1.0 điểm): Tìm và xác định chức năng của số từ trong câu sau: “Cho thịt vào nước lã, đun sôi, hớt bọt, nêm nước mắm, muối vừa ăn, cho rau vào đun sôi khoảng 2 phút, cho chút mì chính rồi bắc ra ngay”.

Câu 6 (1.0 điểm): Văn bản trên gợi cho em suy nghĩ gì về nét đẹp trong văn hóa ẩm thực của dân tộc?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim.”

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	Xác định đúng số từ và chức năng của số từ trong câu.	1,0
	6	Học sinh nêu được suy nghĩ của bản thân sao cho hợp lí.	1,0
II		VIẾT	6,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề Viết được bài văn nghị luận về câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim.”	0,25
		c. Yêu cầu đối với bài văn.	
		- Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận và nêu ý kiến. - Thân bài: + Giải thích. + Bàn luận. + Lật lại vấn đề. - Kết bài: Khẳng định lại vấn đề, bài học nhận thức,...	5,0
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0,25

	e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt bằng lời văn của mình	0,25
--	--	------

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 4

I. Đọc- Hiểu: (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

[...] Tôi nói rồi cùng đi với Ne-mô đến cầu thang trung tâm. Ở đó đã tập hợp chừng hai mươi người cầm rìu sẵn sàng chiến đấu. Nét cầm lấy dao nhọn, còn tôi và Công-xây thì dùng rìu. Tàu Nau-ti-lotx đã nổi lên mặt nước. Một thủy thủ vừa vặn ê-cu ra thì nắp tàu đã bật lên rất mạnh, rõ ràng là do sức hút của một con bạch tuộc nào đó. Lập tức một cái vòi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, còn độ hai chục vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên. Thuyền trưởng Ne-mô lấy rìu chặt đứt phẳng cái vòi khủng khiếp đó khiến nó lặn xuống. Trong khi chúng tôi cố mở đường lên boong tàu thì hai cái vòi khác lao tới một thủy thủ đứng trước Ne-mô rồi nhấc bổng anh ta lên. Thuyền trưởng vừa kêu vừa nhảy vọt ra ngoài. Chúng tôi vội lao theo. Cảnh tượng thật đáng sợ! Người thủy thủ khốn khổ bị vòi bạch tuộc quấn chặt, đang chơi vơi trên không. Anh ta bị nghẹt thở, kêu lên: “Cứu tôi với! Cứu tôi với!” [...]

Nhưng Ne-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi cũng dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc khác đang bò trên thành tàu. Thật là khủng khiếp! Có lúc, tôi tưởng người bị nạn sắp được cứu thoát khỏi sức hút của vòi bạch tuộc. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt người thủy thủ và ngoe nguẩy trên không. Khi Ne-mô và viên thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mũi chẳng nhìn thấy gì. Khi đám “mây” đen tan đi thì quái vật đã biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi!

Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc. Ai nấy đều sục sôi căm thù. Trên boong tàu và ở thành tàu có độ mười, mười hai con. Chúng bị chém đứt và quần quai trong máu xanh và “mực” đen. Nét Len phóng dao nhọn vào những cái mắt xanh xám của quái vật, lần nào cũng trúng đích. Tuy vậy, anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta. Nhưng Ne-mô đã đến trước tôi. Lưỡi rìu của Ne-mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngáp mũi dao vào tim kẻ thù.

- Tôi có bốn phận trả ơn ông! - Ne-mô bảo Nét. Nét chỉ nghiêng mình đáp lại.

Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu. Thuyền

trưởng Ne-mô, mình nhuốm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Ne-mô ứa lệ.

(Trích “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- *Giuyn Véc-nơ*, Đỗ Sơn Ca dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1976)

Câu 1: Văn bản trên thuộc thể loại nào? (0.5đ)

- A. Văn bản thông tin
- B. Truyện
- C. Truyện khoa học viễn tưởng
- D. Tùy bút

Câu 2: Nội dung chính của văn bản trên là gì?(0.5đ)

- A. Kể về hành trình khám phá đáy đại dương của tàu Nau-ti-lớt.
- B. Kể về hành trình khám phá đại dương của giáo sư A-rô-nắc cùng những người bạn.
- C. Kể về thuyền trưởng Ne-mô và thủy thủ tàu Nau-ti-lớt.
- D. Trận chiến quyết liệt của đoàn thủy thủ tàu Nau-ti-lớt với những con bạch tuộc khổng lồ.

Câu 3: Những chi tiết nào trong đoạn trích trên cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu của khoa học?(0.5đ)

- A. Những chi tiết miêu tả cuộc chiến đấu trên boong tàu.
- B. Các chi tiết miêu tả về những con bạch tuộc.
- C. Chi tiết miêu tả con tàu Nau-ti-lớt.
- D. Chi tiết miêu tả về các thủy thủ.

Câu 4: Trong câu văn cuối đoạn trích, theo em tại sao mắt Ne-mô ứa lệ?(0.5đ)

- A. Vì thương người đồng hương xấu số bị bạch tuộc cuốn đi mất.
- B. Vì đã chiến thắng trong trận chiến đấu với bạch tuộc.
- C. Vì quá mệt mỏi sau trận chiến.
- D. Vì ông quá xúc động với nhiều cảm xúc trong trận chiến đấu.

Câu 5: (1,0 điểm)

a. Xác định 1 số từ có trong câu sau đây và chỉ ra ý nghĩa của nó: “*Lập tức một cái vòi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, còn độ hai chục vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên.*”

b. Đặt câu với số từ mà em vừa tìm được.

Câu 6: Trong đoạn trích trên, bản thân em rút ra cho mình bài học gì khi gặp những tình huống khó khăn, và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống?(1,0 điểm)

Phần II. Làm văn: (6,0 điểm)

Đề bài: Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ sau: “Có công mài sắt có ngày nên kim”.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	- HS xác định được một trong hai số từ trong câu văn: Một, hai chục(0.25đ) Ý nghĩa: chỉ số lượng (0.25đ) -HS đặt được 1 câu có sử dụng số từ vừa tìm được. (0.5 điểm)	1,0
	10	- HS tự trả lời theo cảm nhận riêng của bản thân, chỉ ra được bài học cho bản thân khi gặp những tình huống khó khăn, và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống: phải bình tĩnh đối mặt với khó khăn, thử thách; suy nghĩ kĩ, tìm cách giải quyết; biết đoàn kết để có thể dễ dàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách.....	1,0
II		VIẾT	6,0
		<i>1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	0,5
		<i>2. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Trình bày suy nghĩ của bản thân về các vấn đề nghị luận đặt ra ở đề bài: Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ sau: “Có công mài sắt có ngày nên kim”.	0,5
		<i>3. HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng về cơ bản phải đáp ứng các nội dung sau:</i> HS viết bài văn nghị luận theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: • MB: Giới thiệu được vấn đề nghị luận, thể hiện được ý kiến của bản thân về vấn đề nghị luận: ý chí, nghị lực qua câu tục ngữ “Có công mài sắt có ngày nên kim.” • TB:	4,5 0,5 3.5

	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ. - Bàn luận: khẳng định ý kiến tán thành/ phản đối của bản thân. Trình bày các lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ ý kiến của bản thân về vấn đề cần nghị luận. - Lật lại vấn đề (phản đề): phê phán những người thiếu ý chí, nghị lực. • KB: Khẳng định lại ý kiến. <p>Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương hướng hành động.</p>	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, thuyết phục.</p>	0,25

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 5

I. ĐỌC HIỂU (4, 0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

ĐỊA ĐÀNG TRẦN GIAN

(Trích Utopia – Địa đàng trần gian – T.More)

Rồi cả Peter Gilles và tôi lên tiếng xin Raphael tiên sinh cho nghe chuyện. Thấy chúng tôi thực lòng, tiên sinh bèn để một lúc để sắp xếp câu chuyện trong đầu, rồi bắt đầu kể như sau:

RAPHAEL: Ta bắt đầu nhé. Hòn đảo ấy rộng nhất ở quãng giữa, chừng hai trăm dặm từ bờ này sang bờ kia. Những chỗ khác cũng chẳng hẹp hơn là bao, chỉ trừ hai đầu là thu hẹp dần và lượn vòng như thể vẽ bằng com-pa, nối toàn bộ đảo thành ra như một vòng tròn có đường kính khoảng năm trăm đến sáu trăm dặm. Đúng hơn hãy tưởng tượng nó như một hình lưỡi liềm rất cong có hai mỏm chóp chỉ cách nhau bởi một eo biển rộng xấp xỉ mười một dặm. Biển tràn vào trong lòng đảo qua eo này, làm thành một vùng hồ mênh mông giữa đảo. Được bao bọc khắp xung quanh, nước hồ lúc nào cũng êm ả. Vậy là cái vịnh yên tĩnh ngay giữa lòng đảo ấy trở thành một hải cảng lớn rất thuận tiện, thuyền bè có thể dong buồm ngang dọc trên đó theo đủ mọi hướng. Vùng eo biển hẹp thì lại rất hiểm trở với đầy những đồi cát và đá ngầm. Một hòn núi đá nhô cao hẳn lên mặt

nước ở ngay giữa eo, và người ta xây một pháo đài ở trên đó, lúc nào cũng có lính canh. Chỉ có những hoa tiêu địa phương mới biết rõ vùng đá ngầm nguy hiểm đó và có thể đưa tàu bè ra vào một cách an toàn. Không có hoa tiêu người Utopia thì tàu thuyền ngoại quốc không thể nào vào được trong đảo.

Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ. Ý tưởng là vừa tránh cho bệnh viện bị quá tải, vừa tạo điều kiện tốt cho việc cách li những chứng bệnh lây lan truyền nhiễm. Những bệnh viện này được quản lí rất chu đáo, luôn đầy đủ thuốc men và thiết bị với những đội ngũ bác sĩ và hộ lý xứng đáng là "luơng y như từ mẫu" đến nỗi hề ốm đau là ai cũng muốn vào bệnh viện chứ không muốn nằm nhà.

[...] Đất đai của họ không phải lúc nào cũng màu mỡ, và khí hậu không phải là hoàn toàn thuận lợi nhưng nhờ một chế độ dinh dưỡng cân bằng mà họ xây dựng được sức đề kháng của mình chống lại những điều kiện khắc nghiệt của thời tiết, và bằng công việc canh tác rất chu đáo, họ đã chinh đốn được những khiếm khuyết của đất đai. Kết quả là họ đã phá vỡ mọi kỉ lục về sản xuất, và chăn nuôi gia súc, tuổi thọ trung bình của họ là cao nhất thế giới, và tỉ lệ mắc bệnh là thấp nhất. Như vậy là với những phương pháp khoa học, họ đã làm nên những điều thần kì ở một vùng thiên nhiên vốn nghèo nàn cạn kiệt.

(T. More, *Utopia – Địa đàng trần gian*, NXB Hội Nhà văn và Nhã Nam, 2006, tr. 86, 87, 88, 108, 110, 152)

Câu 1 (0.5 điểm): Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyền thuyết
- B. Truyện ngắn
- C. Truyện khoa học viễn tưởng
- D. Tùy bút

Câu 2 (0.5 điểm): Địa hình tự nhiên của đất nước Utopia có gì đặc biệt?

- A. Địa hình hiền hòa, yên ả, mọi người ra vào tấp nập.
- B. Vùng eo biển hiểm trở, mọi người có thể thuận tiện đi lại.
- C. Tàu bè có thể qua lại tự do ở vùng eo biển.
- D. Chỉ có những hoa tiêu địa phương mới biết rõ vùng đá ngầm nguy hiểm đó và có thể đưa tàu bè ra vào một cách an toàn.

Câu 3 (0.5 điểm): Ở Utopia, bệnh viện sẽ được xây dựng như thế nào?

- A. Bệnh viện lớn bằng một thành phố nhỏ.
- B. Bệnh viện được quản lí rất chu đáo, luôn đầy đủ thuốc men và thiết bị.

- C. Đội ngũ y, bác sĩ giỏi và yêu thương bệnh nhân.
D. Cả ba đáp án trên.

Câu 4 (0.5 điểm): Số từ trong câu “Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ.” là:

- A. Mỗi
B. Bằng
C. Một
D. Nhỏ

Câu 5 (1.0 điểm): Theo em, viết về một xã hội lí tưởng như Utopia, tác giả T.More muốn thể hiện điều gì?

Câu 6(1.0 điểm) : Trình bày những điều em cho là đẹp nhất của xã hội Việt Nam hiện nay.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Tục ngữ Việt Nam có câu:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Em hãy làm sáng tỏ nội dung câu tục ngữ trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ - HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Năm học: 2022-2023

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	<p>Theo em, viết về một xã hội lí tưởng như Utopia, tác giả T.More muốn thể hiện điều gì?</p> <p>+ Viết về một xã hội lí tưởng như Utopia, tác giả T.More muốn thể hiện thái độ phủ nhận của mình trước xã hội ông đang sống.</p> <p>+ Thể hiện ước mơ về một xã hội tốt đẹp theo quan điểm của ông.</p>	1,0

		<p>+ Qua đó cũng nhắc nhở con người cần hành động để xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.</p> <p>- HS trả lời được 2 ý trong 3 ý trên, mỗi ý được 0.5 điểm (HS có thể trả lời theo suy nghĩ của bản thân, miễn sao hợp lí là được)</p>	
	6	<p>Trình bày những điều em cho là đẹp nhất của xã hội Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Tinh thần đoàn kết, yêu thương, đùm bọc của con người Việt Nam, những tấm gương học tập, lao động tiêu biểu, sự quan tâm của nhà nước đối với nhân dân....</p> <p>- Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân, đảm bảo tính thực tế, phù hợp, không vi phạm quy định về đạo đức và pháp luật.</p> <p>- HS trả lời được 2 ý, mỗi ý 0.5 điểm</p>	1,0
II		LÀM VĂN	6,0
	1	<p>Tục ngữ Việt Nam có câu:</p> <p style="text-align: center;"><i>Một cây làm chẳng nên non</i> <i>Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.</i></p> <p>Em hãy làm sáng tỏ nội dung câu tục ngữ trên.</p>	
		<p>*Hình thức:</p> <p>- Bài văn gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>- Đúng với kiểu văn nghị luận</p> <p>- Các câu trong đoạn văn cần liên kết với nhau chặt chẽ tạo sự mạch lạc cho bài văn.</p>	0,5
		<p>* Sáng tạo: Có sự sáng tạo trong cách dùng từ ngữ, biện pháp tu từ, dẫn chứng phù hợp.</p>	0.5
		<p>*Nội dung</p> <p>- Mở bài: - Giới thiệu về câu tục ngữ: <i>Một cây làm chẳng nên non</i> <i>Ba cây chụm lại nên hòn núi cao</i></p> <p>- Khái quát ý nghĩa: Câu tục ngữ ca ngợi truyền thống đoàn kết của dân tộc ta.</p>	5.0
			0.5

	<p>- Thân bài:</p> <p>a. Giải thích</p> <p>- Nghĩa đen: Nếu chỉ có một cái cây nhỏ bé thì sẽ không làm nên khu rừng rộng lớn.</p> <p>- Nghĩa bóng:</p> <p>“Một cây”: chỉ sự tồn tại riêng lẻ, đơn độc</p> <p>“Ba cây”: chỉ một tập thể to lớn</p> <p>“chụm lại”: sự đoàn kết, hợp nhất một lòng</p> <p>“núi cao”: đích đến, thành công hay thắng lợi</p> <p>=> Như vậy, câu tục ngữ trên đề cao vai trò của sự đoàn kết trong cuộc sống.</p> <p>b. Bình luận và chứng minh</p> <p>- Chỉ có đoàn kết mới đem lại sức mạnh to lớn để hoàn thành những việc lớn lao, trọng đại:</p> <p>+ Trong quá khứ lịch sử: Nhân dân ta đoàn kết lại đánh bại kẻ thù xâm lược.</p> <p>+ Hiện tại: Nhân dân đoàn kết chống lại dịch bệnh, xây dựng đất nước phát triển...</p> <p>- Bên cạnh đó, vẫn còn một số người tuyên truyền phản động, phá hoại và chia rẽ đoàn kết.</p> <p>- Đoàn kết không chỉ là ở phạm vi một quốc gia mà phải ở mọi đơn vị tập thể từ bé đến lớn.</p> <p>c. Bài học</p> <p>- Con người cần thấy được vai trò của sự đoàn kết.</p> <p>- Từ đó, chúng ta cũng cần ý thức trách nhiệm cá nhân đối với cộng đồng.</p> <p>- Kết bài: Khẳng định lại vấn đề, rút ra bài học cho bản thân.</p>	<p>4</p> <p>1.0</p> <p>2.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
--	--	---

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 6

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

PHỞ NGON PHẢI HÚP CHO SẠCH BÁCH

[...]

(1) Còn phải kể đến những thứ tạo hương trong một tô phở. Gừng được sử dụng nặng đô nhất. Má tôi giải thích: “Gừng để báng mùi bò”. Bà từng mở tiệm phở có biệt danh là phở “lựu đạn” trên đường Nguyễn Thái Học, quận 1, qua khỏi chân cầu Ông Lãnh vài căn nhà. Gọi phở “lựu đạn” vì trước quán có trái lựu đạn từng nổ trước 1975. Nơi đây là chợ Ông Lãnh ngày xưa. Rồi còn phải kể đến hành củ. Má tôi lựa những củ hành thật to ở chợ Cầu Muối. Cả hai thứ được đốt trong lò than cho tới khi cháy hết lớp vỏ bên ngoài, nhiệt làm cho hai thứ tạo hương mềm ra, mới đem cạo lớp cháy và cho vô nồi nước lèo. Tạo hương còn có hành lá xắt nhỏ rắc lên khi nấu ra tô.

Muối là một trong những thành phần nền tảng tạo vị cho nồi nước lèo. Phải là muối biển mới cho một thứ nước lèo tuyệt hảo. Đừng có mà làm sang chảnh xài muối Himalaya hay muối sông Murray. Những thứ nêm nếm nhất thiết phải có nước mắm. Bạn đừng có tiện tay cho vào nồi nấu nước mắm công nghiệp có lẽ bạn đang có ở nhà. Hồng bét...

Phở ban đầu là một món ăn giản dị, mộc mạc nấu với những đầu thừa đuôi theo thịt bò thải ra từ các “ba toa”. Dần dà nó được nâng lên thành phở Nguyễn Tuân. Phải vào tới Sài Gòn, phở mới phát tiết tinh hoa của một món ăn làm nên một phần tên tuổi ẩm thực Việt: rau rán các loại, giá sống, tương ớt, tương đậu, tỏi chua, ớt xắt...

[...]

(Theo Ngữ Yên, thegioihoinhap.vn)

Câu 1 (0.5 điểm): Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Truyện khoa học viễn tưởng.
- B. Văn bản thông tin.
- C. Truyện thuyết.
- D. Truyện cổ tích.

Câu 2 (0.5 điểm): Văn bản trên giới thiệu điều gì?

- A. Sài Gòn, quận 1, cầu Ông Lãnh.
- B. Một số hương liệu và gia vị tạo nên hương vị đặc biệt của món phở Sài Gòn.
- C. Quán phở “lựu đạn” và nguồn gốc tên quán.
- D. Muối biển, muối Himalaya và muối Murray.

Câu 3 (0.5 điểm): Trong đoạn 1 của văn bản, tác giả đã liệt kê những hương liệu nào có trong món phở?

- A. Gừng, củ hành.

- B. Gừng, muối, củ hành.
 C. Gừng, củ hành, hành lá xắt.
 D. Củ hành, hành lá xắt.

Câu 4 (0.5 điểm): Theo em, tác giả đã bày tỏ thái độ gì với món phở Sài Gòn qua văn bản trên?

- A. Trân trọng, ngợi ca hương vị tuyệt vời của món phở Sài Gòn đặc trưng.
 B. Khuyến khích mọi người nên ăn phở Sài Gòn.
 C. Tiếc nuối hương vị của quán phở “lưu đạn”.
 D. So sánh hương vị của phở Sài Gòn và các vùng khác.

Câu 5 (1.0 điểm): Đặt một câu có sử dụng số từ và gạch dưới số từ đó.

Câu 6 (1.0 điểm): Những món ăn truyền thống của dân tộc luôn trân trọng và đáng quý, không phải chỉ là món phở mà còn rất nhiều những món ăn độc đáo khác. Em hãy kể tên một số món ăn truyền thống của dân tộc và bản thân em nên làm gì để giữ gìn và phát huy giá trị của những món ăn truyền thống đó?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	Học sinh đặt một câu có sử dụng số từ và gạch dưới số từ đó. - HS đặt câu có sử dụng số từ, yêu cầu câu có ý nghĩa trong sáng. (0.75 đ) - Gạch dưới số từ: (0.25 đ)	1,0
	6	Học sinh nêu được một số món ăn truyền thống của dân tộc: + Bánh mì, cơm tấm, bún bò Huế... (0.25 đ) + Nêu được ít nhất 2 hành động, việc làm cụ thể: giới thiệu các món ăn truyền thống đến bạn bè thế giới, tìm hiểu nhiều hơn về nguồn gốc, giá trị của các món ăn, khuyến khích mọi người sử dụng các món ăn dân tộc trong các dịp tiệc hội... (0.75 đ)	1,0

[illegible]

	ơn, bội bạc... *. Kết bài - Khẳng định lại ý kiến: lòng biết ơn là đức tính tốt đẹp mà mỗi người cần có... - Giải pháp, bài học nhận thức: mỗi người hãy tự rèn luyện cho bản thân lòng biết ơn... - Liên hệ bản thân: Em hứa sẽ luôn trân trọng, nhớ ơn đối với các thế cha ông, ông bà cha mẹ, thầy cô và hứa sẽ...	0.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 7

A. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4.0 điểm):

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

MỘT TRĂM DẠM DƯỚI MẶT ĐẤT

“[...] Tôi được biết cái ngã “may mắn” đã hát tôi xuống một đường hầm gần như thẳng đứng. Cuộc di chuyển kinh khủng ấy đã ném tôi vào tay giáo sư, bất tỉnh và máu me đầy người.

– A-xen này, – Giáo sư nói – bị một tai nạn như vậy mà không ảnh hưởng gì đến tính mạng, chủ cũng thấy lạ! Nhưng từ nay chúng ta không nên rời nhau kéo có ngày không còn nhìn thấy nhau nữa đâu!

“Chúng ta không nên rời nhau!”. Như vậy cuộc hành trình chưa kết thúc? Thấy tôi tròn mắt ngạc nhiên, chủ tôi hỏi:

– Sao vậy, A-xen?

– Chúng ta không phải đang ở trên mặt đất sao?

– Không!

- Ô! Không lẽ cháu bị điên vì cháu thấy ánh sáng Mặt Trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.

– Chủ sẽ không giải thích gì hết vì đó là điều không thể giải thích nổi. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!

[...] Tôi vội vàng mặc quần áo và cẩn thận khoác thêm một cái chăn, rồi bước ra khỏi hang. Thoạt đầu, tôi chẳng trông thấy gì cả. Mắt tôi đã quen với bóng tối nên bỗng nhắm tịt lại. Khi mở được mắt ra, tôi không khỏi kêu lên vì quá đổi sững sốt:

– Biển!

- Phải! – Giáo sư đáp – Biển Li-đen-bróc đây! Chắc chắn không một nhà hàng hải nào tranh chấp với chủ về niềm vinh dự đã khám phá ra cái biển ngầm này và về quyền lấy tên mình đặt cho biển!

Một làn nước rộng trải ra mênh mông quá tầm mắt. Từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn rải rác những vỏ ốc, vỏ sò. Tiếng sóng vỗ bờ rì rào âm vang. Bọt sóng nhẹ tung bay theo gió, phủ vào mặt tôi.

Trên bãi thoải thoải này, ở cách mép sóng một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đá như xé toạc bờ biển, đâm ra khỏi thành những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương.

Đây quả thật là một đại dương với đường nét bờ biển thất thường hết như ở những biển trên mặt đất, nhưng vắng vẻ và hoang dã một cách kinh khủng.

Sở dĩ tôi có thể phóng tầm mắt ra tít ngoài khơi vì mọi chi tiết trên biển đều được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt, không phải ánh sáng Mặt Trời với những tia nắng huy hoàng rực rỡ, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo, nhợt nhạt và mờ ảo của Mặt Trăng. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ, ..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.

Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động. Tôi cứ ngỡ dưới một áp suất lớn như vậy của khí quyển, nước không thể bay hơi được, nhưng vì một lí do nào đó, trên cao lại dày đặc những đám mây lớn. Tuy vậy, đây vẫn không phải là Mặt Trời nên ánh sáng không nóng, hơn nữa còn gây ra một ấn tượng hết sức u sầu và âm đạm! Ở trên những đám mây đáng lẽ phải là một bầu trời sao lấp lánh, lại thấy một vòm đá hoa cương đang dồn hết sức nặng lên người tôi và cả khoảng không gian dù bao la thế nào chẳng nữa ấy cũng không thể đủ chỗ cho một vệ tinh khiêm tốn nhất hành tinh.

Như vậy, chúng tôi bị giam trong một cái hang rộng đến nỗi không thể ước lượng được diện tích. Từ "hang" và cả những từ khác trong tiếng nói của loài người cũng không đủ ý để miêu tả cái nơi rộng mênh mông này. Tôi cũng không biết nên dùng hiện tượng địa chất nào để giải thích sự tồn tại của một chỗ như vậy.

Phải chăng do Trái Đất khi nguội lạnh đã tạo thành? Tôi đã từng được nghe các nhà du lịch kể về những cái hang nổi tiếng song không có một nơi nào có kích thước như vậy. Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy!

Tôi đứng lặng ngắm tất cả những kì quan này mà tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!

Điều này cũng dễ hiểu, vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn! [...]"

(Giuyn Vec-nơ, Cuộc du hành vào lòng đất, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000)

Câu 1 (0,5 điểm): Không gian trong đoạn trích là không gian nào?

- A. Trong hang và trên mặt đất
- B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ

- C. Bãi biển và bầu trời
D. Bầu trời sao và vòm đá hoa cương

Câu 2 (0,5 điểm): Trí tưởng tượng phong phú của tác giả thể hiện rõ nhất ở việc miêu tả cảnh nào?

- A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông
B. Cảnh cậu bé A-xen bị hất xuống một đường hầm thẳng đứng
C. Cảnh từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn
D. Cảnh khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương

Câu 3 (0,5 điểm): Phương án nào nêu nhận xét đúng về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

- A. Sử dụng nhiều chi tiết thần kì, hoang đường, không có thực.
B. Sử dụng nhiều cảnh tượng mang yếu tố thần linh, siêu nhiên.
C. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học tình huống lí kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết.
D. Tạo ra tình huống lí kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết.

Câu 4 (0,5 điểm): Câu văn nào cho thấy người viết dựa vào kiến thức khoa học?

- A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.
B. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngấm nhìn, ngấm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!
C. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết.
D. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động.

Câu 5 (1.0 điểm): Từ văn bản trên, em hãy nêu suy nghĩ về sức hấp dẫn của truyện khoa học viễn tưởng?

Câu 6 (1.0 điểm):

a) Tìm số từ có trong ví dụ sau và cho biết số từ bổ sung ý nghĩa nào?

“Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ấm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!”

b) Dùng cụm từ mở rộng thành phần vị ngữ trong câu sau?

“Chúng tôi đi vào một cửa hàng.”

B. PHẦN LÀM VĂN (6.0 điểm):

Viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc hiểu	4.0

Trắc nghiệm:	<p>Câu 1: B</p> <p>Câu 2: B</p> <p>Câu 3: C</p> <p>Câu 4: A</p>	2.0
Tự luận	<p>Câu 5: Học sinh trả lời được 2 ý về sức hấp dẫn của truyện khoa học viễn tưởng. 2 ý/ 1 điểm</p> <p>Chẳng hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện đưa người đọc cùng trải nghiệm những chuyến phiêu lưu kì thú trong thế giới viễn tưởng - Truyện hấp dẫn người đọc bởi những phát minh khoa học - Truyện có nhiều cảnh miêu tả trong thế giới giả định rất lôi cuốn ... 	1.0
	<p>Câu 6:</p> <p>a/ Số từ chỉ số lượng chính xác: bốn</p> <p>b/ Học sinh mở rộng vị ngữ bằng cụm từ đảm bảo ngữ nghĩa.</p> <p>Chẳng hạn: đi vào một cửa hàng đồ chơi, đi vào một cửa hàng quần áo trẻ em, ...</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
Phần II	Làm văn	6.0
	<p><i>a. Hình thức: Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội, có sáng tạo, chuẩn chính tả ngữ pháp.</i></p>	1.0
	<p><i>b. Nội dung: Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về về câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	5.0
	<p>* Mở bài: Giới thiệu được vấn đề cần bàn, trích câu tục ngữ đề cho</p> <p>* Thân bài: Trình bày lí lẽ dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề bàn luận</p> <p>1. Giải thích</p>	

	2. Bàn luận 3. Lập ngược vấn đề * Kết bài: Khẳng định lại vấn đề, rút ra bài học, kêu gọi, nhấn nhủ	
	Biểu điểm: - Điểm 4.75 – 6.0: Bài văn lập luận thuyết phục, lô cuốn, sáng tạo, lí lẽ sắc bén, bằng chứng cụ thể, xác thực, bố cục rõ ràng, từ ngữ chuyển đoạn, liên kết nhuần nhuyễn. Trình bày rõ ràng, chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Điểm 4.0 – 4.5: Bài văn lập luận thuyết phục, lí lẽ khá đầy đủ, bằng chứng cụ thể, xác thực, bố cục rõ ràng, có từ ngữ chuyển đoạn, liên kết. Trình bày rõ ràng, chữ viết sạch đẹp, ít mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Điểm 3.25 – 3.75: Bài văn lập luận tương đối thuyết phục, lí lẽ khá, bằng chứng còn chung chung, chưa chia đoạn hợp lí trong thân bài, chưa có từ ngữ chuyển đoạn, liên kết. Trình bày còn bôi xóa, còn mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Điểm 1.75 – 3.0: Bài văn chưa thể hiện rõ quan điểm, chưa nắm rõ lí lẽ, không có dẫn chứng, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. - Điểm 0 - 1.5: Không nắm rõ yêu cầu đề, viết lan man, không đúng kiểu bài nghị luận xã hội.	

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 8

PHẦN I: ĐỌC -HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).

Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giày để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.

Phân rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, ... của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích,

Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi khác.

Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Đến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.

Lễ hội đền Hùng (Công thông tin điện tử Phú Thọ
(phutho.gov.vn))

A. Trắc nghiệm: (2.0 điểm)

Lựa chọn đáp án đúng nhất từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1: Em hãy cho biết văn bản “Lễ hội đền Hùng” thuộc loại văn bản nào?

- A. Văn bản biểu cảm.
- B. Văn bản nghị luận.
- C. Văn bản thông tin.
- D. Văn bản tự sự.

Câu 2: Văn bản “Lễ hội đền Hùng” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

- A. Thời gian, địa điểm, phần lễ - hội, ý nghĩa.
- B. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần lễ.
- C. Nguồn gốc, chuẩn bị, địa điểm, ý nghĩa.
- D. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần hội.

Câu 3: “Lễ hội đền Hùng” nhắc đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam ta?

- A. Tương thân tương ái.
- B. Uống nước nhớ nguồn.
- C. Tôn sư trọng đạo.
- D. Lá lành đùm lá rách.

Câu 4: Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được in đậm trong câu văn sau: “Đây là **một** tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu”.

- A. Số từ biểu thị số lượng chính xác
- B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng
- C. Số từ biểu thị số thứ tự.
- D. Số từ biểu thị số lượng

B. Trả lời câu hỏi: (2.0 điểm)

Câu 5: Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta? (1.0 điểm)

Câu 6: Em hãy nêu những việc làm cụ thể để thể hiện lòng biết ơn của em đến các vua Hùng đã có công xây dựng và bảo vệ đất nước? (diễn đạt từ 3 – 5 câu) .(1.0 điểm)

PHẦN II: LÀM VĂN (6.0 điểm)

Em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ “ Có công mài sắt, có ngày nên kim”.

--- Hết---

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN 7**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	<p>HS xác định được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự gắn bó của cộng đồng, sức mạnh đoàn kết dân tộc Việt Nam ta có chung cội nguồn. - Ca ngợi tín ngưỡng thờ tổ tiên, một nét đẹp văn hóa dân tộc. - Tưởng nhớ và tỏ lòng biết ơn đến các vua Hùng, những vị vua đầu tiên của dân tộc đã có công xây dựng đất nước 	1,0

		nước. Mỗi ý trả lời đúng 0,5đ. Hai ý sẽ được 1,0đ. (Tôn trọng cách lý giải hợp lý của học sinh)	
	6	HS nêu được ít nhất 02 việc làm thể hiện lòng biết ơn: - Trân trọng, giữ gìn, ca ngợi truyền thống tốt đẹp dân tộc. - Ghi nhớ công ơn cội nguồn dân tộc. - Cố gắng học tập thật giỏi góp phần xây dựng và phát triển đất nước. (Tôn trọng cách lý giải hợp lý của học sinh)	1,0
		VIẾT	6,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài, thân bài, kết bài	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Nghị luận về ý chí, nghị lực của con người.	0,25
		<i>c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí</i> HS triển khai bài văn theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:	
II		I. Mở bài: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: lòng kiên trì, ý chí nghị lực. - Dẫn câu tục ngữ. II. Thân bài: 1. Giải thích: - Nghĩa đen: Nếu kiên trì, nhẫn nại mài dũa một thanh sắt lớn sẽ tạo ra một cây kim nhỏ bé, có ích. - Nghĩa bóng: Đó là lời nhắc nhở chúng ta biết cố gắng kiên trì, kiên nhẫn khi làm việc thì nhất định sẽ đạt được thành công. ⇒ Như vậy câu tục ngữ khuyên chúng ta có lòng kiên trì và	2.5

	<p>phần đầu nỗ lực, trong cuộc sống. Nó nhấn mạnh ý chí của con người.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiên trì nhẫn nại là một đức tính tốt đẹp của con người VN. - Vượt qua gian khổ, khó khăn sẽ đi đến thành công rực rỡ. - Người có tinh thần vượt khó, nhẫn nại sẽ được mọi người tôn trọng, quý mến... <p>Bằng chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong kháng chiến: Dân tộc Việt Nam ta đánh đuổi giặc ngoại xâm. - Trong đời sống: Tấm gương: Thầy Nguyễn Ngọc Ký kiên trì tập viết bằng chân, đỗ Đại học Sư phạm, trở thành nhà giáo nổi tiếng. Những nhà bác học trên thế giới như: Claudius, A-ma-jet, Lô-mô-nô-xốp,.... <p>3. Phê phán: Trong cuộc sống vẫn còn những người không có lòng kiên trì, thiếu ý chí, nghị lực. Những người đó sẽ không thể thành công trong cuộc sống...</p> <p>III. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại tính đúng đắn của câu tục ngữ. - Nhận thức và hành động: Rèn luyện tính kiên trì, quyết tâm cố gắng vượt qua khó khăn... - Nêu bài học cho bản thân. 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, sáng tạo.</p>	0,5

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 9

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi

thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhom nhóp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lớt. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đồng đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lao xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trắng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đồng đá ngổn ngang, ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”

(Trích Chương 33-Hai vạn dặm dưới đáy biển- Jules Verne; Lê Anh (Đỗ Ca Sơn) dịch từ bản tiếng Nga; Nhà xuất bản Văn học)

Câu 1 (0.5 điểm): Hãy cho biết văn bản trên thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản truyện ngụ ngôn

- B. zVăn bản truyện khoa học viễn tưởng
- C. Văn bản thông tin
- D. Văn bản tản văn, tùy bút

Câu 2 (0.5 điểm): Điều gì đã kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ?

- A. Lửa cháy trong nước
- B. Đồng xương khô
- C. Ánh hào quang phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét
- D. Thành phố xây dưới nước

Câu 3 (0.5 điểm): Trong câu sau, cụm từ in đậm được dùng để mở rộng cho thành phần nào của câu?

*“Hay là tôi đang được chứng kiến **một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết?**”*

- A. Mở rộng thành phần trạng ngữ
- B. Mở rộng thành phần chủ ngữ
- C. Mở rộng thành phần vị ngữ
- D. Mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ

Câu 4 (0.5 điểm): Trong các câu dưới đây, câu nào sử dụng số từ?

- A. Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng.
- B. Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết?
- C. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ.
- D. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp.

Câu 5 (1.0 điểm): Theo em, việc khám phá những miền đất mới lạ có mang lại điều gì bổ ích cho con người hay không? Vì sao?

Câu 6 (1.0 điểm): Tưởng tượng em là một nhà thám hiểm, hãy nêu ra hai đến ba cách để có thể khám phá những vùng đất mới lạ.

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Dân tộc Việt Nam ta có nhiều truyền thống đạo lí tốt đẹp từ bao đời nay. Một trong số đó chính là truyền thống biết ơn. Hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.

I. Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	HS trả lời việc khám phá vùng đất mới lạ mang lại cho con người những điều bổ ích và có lí giải hợp lí. Chẳng hạn như nó giúp con người có thêm hiểu biết về một vùng đất mới, mở rộng vốn hiểu biết của mình hoặc thỏa mãn trí tò mò vốn có của con người... (Chấp nhận những lí giải hợp lí)	1,0
	6	HS đưa ra được ít nhất 2 cách để khám phá vùng đất mới lạ. Chẳng hạn như: + Đọc thêm sách báo hay xem các chương trình về du lịch khám phá vùng đất mới + Khi có điều kiện thì tự mình tham gia các chuyến du lịch thám hiểm những vùng đất mới lạ + ... (Chấp nhận các ý kiến hợp lí)	1,0
II		TẠO LẬP VĂN BẢN	6,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài – Thân bài – Kết bài	1,0
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề	0,5
		c. Nghị luận về câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”	
		* Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Truyền thống đạo lí biết ơn của dân tộc Việt Nam ta * Thân bài: - Giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng của câu tục ngữ. Nêu biểu hiện của sự biết ơn (trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội)	3,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn luận: + Tại sao “ăn quả” lại phải “nhớ” đến “người trồng cây”?... + Bằng chứng (HS đưa ra được ít nhất 2 ý kiến về giá trị tốt đẹp của truyền thống đạo lí này trong đời sống của dân tộc ta) - Lật ngược vấn đề: + Phê phán những người sống vô ơn, những kẻ “ăn cháo đá bát” + Biết ơn phải thể hiện đúng cách... *Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề - Bài học, phương hướng hành động 	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, cách diễn đạt độc đáo, có lí lẽ, bằng chứng thuyết phục..	0,5

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 10

I. Đọc - Hiểu: (4.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).

Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ

ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giày để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.

Phần rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, ... của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích,

Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi khác.

Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Đến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. **Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.**

Lễ hội đền Hùng | Cổng Thông Tin Điện Tử Phú Thọ
(phutho.gov.vn)

Câu 1: Em hãy cho biết văn bản “Lễ hội đền Hùng” thuộc thể loại văn bản nào?

- A. Văn bản biểu cảm
- B. Văn bản nghị luận
- C. Văn bản thông tin
- D. Văn bản tự sự

Câu 2: Văn bản “Lễ hội đền Hùng” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

- A. Thời gian, địa điểm, phần lễ - hội, ý nghĩa
- B. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần lễ
- C. Nguồn gốc, chuẩn bị, địa điểm, ý nghĩa
- D. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần hội

Câu 3: “Lễ hội đền Hùng” nhắc đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam ta?

- A. Tương thân tương ái
- B. Uống nước nhớ nguồn
- C. Tôn sư trọng đạo
- D. Lá lành đùm lá rách

Câu 4: Lễ hội đền Hùng, gợi cho em nhớ đến bài ca dao nào?

- A. Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

B. Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

C. Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.

D. Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Câu 5: Em hãy xác định số từ trong câu in đậm ở ngữ liệu trên. Đặt một câu với số từ em vừa tìm được,

Câu 6: Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta? Em hãy nêu hai việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã có công dựng nước và giữ nước?

II. Viết (6.0 điểm)

Em hãy trình bày suy nghĩ về câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	<p>Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số từ: một - Hs đặt câu với số từ vừa tìm được. <p>Khi đặt câu, Hs không gạch chân hay chú thích trừ 0,25 điểm.</p> <p>Hoặc không viết hoa hay thiếu dấu chấm câu trừ 0,25 điểm.</p>	1,0

	thân.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,5

	VIẾT	6.0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn NLXH: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0.5
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng;	0,5
	Cụ thể như sau:	4.0
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng;Cụ thể như sau: - Mở bài: 0,75 điểm Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Thân bài:2,5 điểm	4.0

	<p>+ Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”</p> <p>- Nghĩa đen</p> <p>- Nghĩa bóng</p> <p>+Bàn luận được vấn đề: - Tại sao chúng ta cần có lòng biết ơn đối với những người đã tạo ra thành quả cho chúng ta hưởng thụ?</p> <p>Đưa lý lẽ và dẫn chứng (ít nhất hai dẫn chứng).</p> <p>+Lật ngược vấn đề: ...</p> <p>- Kết bài: 0,75 điểm</p> <p>Khẳng định vấn đề nghị luận rút ra được bài học cho bản thân.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0.5
	<p>e. Sáng tạo: Bài viết sinh động, sáng tạo, dẫn chứng phong phú,</p>	0.5

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 11

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi:

TRÒ CHƠI “BỊT MẮT BẮT DÊ”

1. Mục đích

-Tăng sự nhanh nhẹn, khả năng phán đoán và định hướng thật chính xác.

2. Chuẩn bị

-Số lượng lý tưởng nhất là 5-20 người chơi. Vì nó là trò chơi tập thể, nếu ít người chơi quá sẽ không vui, nhiều người chơi sẽ gây khó khăn cho trẻ đóng vai “người bắt dê”.

-Nên chọn địa điểm rộng rãi, bằng phẳng, không có chướng ngại vật gây vướng chân ngã hay những vật sắc nhọn nguy hiểm ...

3. Hướng dẫn cách chơi

-Không chơi trong vòng tròn: một người bắt dê và nhiều dê

-Một người xung phong làm người bắt dê, những người còn lại đều làm dê.

-Sau khi dùng khăn màu bịt mắt người bắt dê thì những người khác làm dê sẽ chạy xung quanh người bị bịt mắt và tìm cách trêu chọc người bắt dê như đập vào vai hoặc vuốt má, ... và tìm cách né tránh người đi bắt dê.

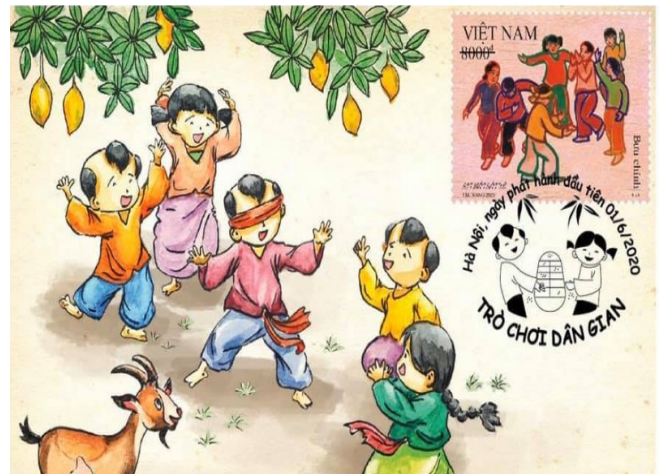
-Khi người bắt dê chụp được con nào thì phải nói được tên của người đó. Nếu nói đúng tên thì người bị bắt sẽ thay thế làm người đi bắt dê. Trò chơi tiếp tục.

-Người làm dê muốn đánh lừa người bắt dê có thể tìm cách như kiễng chân cao lên hoặc thấp xuống, khuôn mặt có thể thay đổi một chút để làm người bắt dê không đoán đúng tên mình.

- Lưu ý:

+ Địa điểm an toàn: Vì trong khi chơi bạn có thể bị bịt mắt nên cần chọn những vị trí trống trải, không có vật sắc nhọn xung quanh để hạn chế chấn thương, cũng như bị vấp ngã trong quá trình chơi.

+ Có người quan sát: Trong quá trình chơi Bịt mắt bắt dê, đặc biệt đối với việc tổ chức cho trẻ nhỏ chơi cần có sự giám sát của người lớn, tránh việc các bé có thể té ngã, va chạm không đáng có. Cũng như người lớn quan sát giúp trẻ tổ chức trò chơi vui vẻ, công bằng hơn, giải đáp những thắc mắc cho trẻ.



(Những trò chơi dân gian- NXB Trẻ 2020)

Câu 1. (0,5 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- | | |
|------------------|-------------------------------|
| A. Văn nghị luận | C. Văn bản thông tin |
| B. Văn biểu cảm | D. Truyện khoa học viễn tưởng |

Câu 2. (0,5 điểm) Văn bản trên gồm có mấy phần?

- | | |
|-----------|-----------|
| A. 2 phần | C. 4 phần |
| B. 3 phần | D. 5 phần |

Câu 3. (0,5 điểm) Thông tin trong phần “Hướng dẫn cách chơi” được triển khai theo cách nào?

- A. Theo trật tự thời gian
B. Theo quan hệ nhân quả
C. Theo trật tự không gian
D. Theo mức độ quan trọng của thông tin

Câu 4. (0,5 điểm) Hình vẽ trò chơi trong văn bản trên có tác dụng như thế nào đối với việc trình bày thông tin?

- A. Làm cho thông tin rõ ràng
B. Giúp người đọc dễ nhận biết cách chơi
C. Cả A, B đều đúng
D. Cả A, B đều sai

Câu 5. Đặt 1 câu với số từ chỉ số lượng ước chừng. **(1,0 điểm)**

Câu 6. Trò chơi “Bịt mắt bắt dê” mang đến cho em những trải nghiệm gì? **(1,0 điểm)**

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc ta từ ngàn đời nay, nó tạo nên sức mạnh của dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước. Điều đó đã được ông cha ta khẳng định qua câu tục ngữ: “*Một cây làm chẳng nên non/Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*”. Hãy viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về câu tục ngữ trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	D	0.5
	2	A	0.5
	3	A	0.5
	4	B	0.5
	5	HS đặt câu có sử dụng: Số từ chỉ số lượng ước chừng. - Thiếu quy tắc đặt câu (đầu câu viết hoa, dấu chấm kết thúc câu, gạch chân từ dùng để đặt câu) – 0,25 điểm	1.0
	6	Trò chơi mang đến cho em những trải nghiệm: - Mang lại tiếng cười vui vẻ, thư giãn - Rèn luyện khả năng nghe, xác định phương hướng - Sự kết nối trong một tập thể...	1.0

		(Chấp nhận ý kiến khác nếu hợp lí)	
II		VIẾT	6.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn NLXH:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i>	0,5
		<i>c. Nội dung:</i> * Mở bài: 0.5 điểm - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận. (0.25 điểm) - Thể hiện rõ quan điểm của người viết về vấn đề (0.25 điểm) * Thân bài: 3.0 điểm Gồm các ý chính sau: + Giải thích: (1.0 điểm) <ul style="list-style-type: none"> • Giải thích từ ngữ, nghĩa đen nghĩa bóng của cả câu tục ngữ. • Tại sao phải đoàn kết +Bàn luận: đưa ra ít nhất 3 bằng chứng tiêu biểu (1.5 điểm) +Lật lại vấn đề. (0.5 điểm) * Kết bài: 0.5 điểm - Khẳng định lại vai trò của tinh thần đoàn kết (0.25 điểm) - Đề xuất giải pháp, nêu bài học, phương hướng hành động (0.25 điểm)	4.0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết sinh động, sáng tạo, có sức thuyết phục.	0,5

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 12

Phần I. Đọc - Hiểu văn bản (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và chọn đáp án đúng:

... “Uỳnh”! Chúng tôi mở mắt ra và thấy mình đang đứng giữa một không gian kì lạ. Đó là thung lũng lộng lẫy dưới những núi đá cao vời vọi, không biết đến tận cùng. Tít tít trên cao xanh không có mây, không có mặt trời, cũng chẳng trăng sao; không gì cả ngoài một tầng cao hoắm hoắm. Xung quanh được thấp sáng bằng bột lân tinh, giống như một thứ bột mà Thần Đồng đã dùng để thấp sáng căn phòng của Nhân Sư.

- Có phải... có phải chúng ta... – Tôi lấp bắp, không nói nên lời.

- Chúng ta đang ở trung tâm của vũ trụ! – Hấn khẳng định.

Thần Thoại cũng ngoái ngang ngoái dọc, cảnh sắc này quá kì lạ với nó! Chính tôi cũng há hốc mồm, không tin vào cảnh tượng trước mắt. Một thế giới trong lòng thế giới! Hòn đá Ôm-phe-lốt đã tạo ra một bước nhảy không gian, đưa chúng tôi tới nơi được gọi là “cái rốn của vũ trụ”. Tôi cứ lấp ba lấp bắp hai tiếng “trung tâm” khiến Thần Đồng sốt ruột.

- Cậu lấp bắp cái gì thế? Chúng ta còn cả một không gian mênh mông để khám phá đấy, chẳng phải chuyện chơi đâu!

Tôi vẫn chôn chân tại chỗ, chưa hết ngạc nhiên. Chẳng nói chẳng rằng, tôi mở ba lô của Thần Đồng, tìm cái máy tính đa-di-năng của hấn. Tôi truy cập in-tơ-nét mãi mà chẳng được. Sự nhớ ra chúng tôi đã xa Trái Đất lâu rồi, nằm ngoài vùng phủ sóng rồi...

(Trích Đường vào trung tâm vũ trụ, SGK lớp 7, Tập 2, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

Câu 1 (0.5đ): Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện thần thoại.
- B. Truyện cổ tích.
- C. Truyện kí.
- D. Truyện khoa học viễn tưởng.

Câu 2 (0.5đ): Đề tài của văn bản trên là:

- A. Chế tạo dược liệu.
- B. Nhà khoa học.
- C. Cuộc du hành vào tâm vũ trụ.
- D. Khám phá đáy đại dương.

Câu 3 (0.5đ): Trong văn bản, hòn đá Ôm-phe-lốt đã đưa các nhân vật tới đâu?

- A. Tới sa mạc mênh mông hoang vu.
- B. Tới “cái rốn của vũ trụ”.
- C. Tới căn phòng của Nhân Sư.
- D. Tới một đáy biển đẹp tựa thần tiên.

Câu 4 (0.5đ): Các số từ có trong câu văn in đậm là:

- A. Một.
- B. Còn, cả.
- C. Cả, một.

D. Cả, đầy.

Câu 5 (1.0đ): Trong các chi tiết tưởng tượng thuộc văn bản trên, em ấn tượng nhất chi tiết nào? Vì sao?

Câu 6 (1.0đ): Hãy đặt một nhan đề khác cho văn bản và lí giải nội dung nhan đề em mới đặt.

Phần II. Tạo lập văn bản (6.0 điểm)

Để khuyên nhủ con cháu phải có tính kiên trì khi đứng trước những khó khăn, thử thách của cuộc sống, ông bà ta thường có câu: “*Có công mài sắt, có ngày nên kim*”.

Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về câu tục ngữ trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung đáp án	Điểm
I. Đọc - hiểu	1	D. Truyện khoa học viễn tưởng.	0.5đ
	2	C. Cuộc du hành vào tâm vũ trụ.	0.5đ
	3	B. Tới “cái rốn của vũ trụ”.	0.5đ
	4	C. Cả, một.	0.5đ
	5	<p>Trong các chi tiết tưởng tượng thuộc văn bản trên, em ấn tượng nhất chi tiết nào? Vì sao?</p> <p>- HS có thể trình bày bằng cách gạch đầu dòng hoặc viết thành đoạn văn, trong đó:</p> <p>+ Ý 1: Nêu được một chi tiết tưởng tượng mà em ấn tượng nhất (gọi tên chi tiết hoặc nêu được một cụm từ/ một câu văn thể hiện chi tiết. Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Các nhân vật lạc vào một không gian kì lạ khác trái đất, không có gì mà sâu hoắm hoắm.</i> • <i>Các nhân vật lạc vào một thế giới trong lòng thế giới.</i> • <i>Nhờ hòn đá Om-phe-lốt, các nhân vật đã lạc vào “cái rốn của vũ trụ”.</i> • <i>Các nhân vật ra ngoài Trái Đất, lạc vào tâm vũ trụ .v.v.)</i> <p>+ Ý 2: HS nêu được lí do mình thích, miễn là hợp lí. Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Vì chi tiết đó giúp các nhân vật có thể du hành xuyên không gian.</i> • <i>Vì chi tiết đó có khả năng biến thành hiện thực trong tương lai.</i> 	<p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p>

		<ul style="list-style-type: none"> Vì chi tiết khơi gợi trong em mơ ước về việc sáng tạo khoa học trong tương lai. Vì chi tiết đó làm câu chuyện thêm li kì, hấp dẫn .v.v. <p>→ Mỗi ý: 0.5đ, 2 ý: 1.0đ</p> <p>- Nếu HS không nêu được một chi tiết tưởng tượng mình ấn tượng nhất mà chép lại cả một đoạn văn (hai câu trở lên) trong đoạn ngữ liệu thì ý 1 chỉ chấm tối đa 0.25đ.</p> <p>- Nếu HS lí giải sơ sài (vì nó hay, vì em thích nó.v.v.) thì ý 2 chỉ chấm tối đa 0.25đ.</p>	
	6	<p>Hãy đặt một nhan đề khác cho văn bản và lí giải nội dung nhan đề em mới đặt.</p> <p>- HS thực hiện được 2 ý:</p> <p>+ Ý 1: Đặt một nhan đề hợp lí khác cho văn bản (Nhan đề có thể liên quan đến đề tài, chi tiết... trong truyện. HS không sao chép y nguyên tên văn bản <i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i> bên dưới).</p> <p>+ Ý 2: Lí giải nội dung nhan đề em mới đặt một cách hợp lí.</p> <p>→ Mỗi ý: 0.5đ, 2 ý: 1.0đ</p>	<p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p>
II. Tạo lập văn bản		<p>Để khuyên nhủ con cháu phải có tính kiên trì khi đứng trước những khó khăn, thử thách của cuộc sống, ông bà ta thường có câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”.</p> <p>Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về câu tục ngữ trên.</p> <p>a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận xã hội, gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: nghị luận xã hội (trình bày suy nghĩ về một câu tục ngữ bàn về một vấn đề trong đời sống).</p> <p>c. Nội dung: HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>I. Mở bài: 0.5đ</p> <p>- Giới thiệu về vấn đề cần bàn luận (câu tục ngữ và tính kiên trì).</p> <p>II. Thân bài: 4.0đ</p> <p>- Giải thích câu tục ngữ (nghĩa đen, nghĩa bóng) và đúc kết ý nghĩa/ bài học được gợi ra từ câu tục ngữ (khuyên nhủ ta phải có tính kiên trì). (1.0đ)</p> <p>- Bàn luận về vai trò/ ý nghĩa của tính kiên trì (HS trình bày được ít nhất hai lí lẽ thuyết phục và ít nhất một dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu). (2.0đ)</p> <p>- Lật lại vấn đề/ Bổ sung ý kiến/ Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và hành động (HS thực hiện được ít nhất một thao tác). (1.0đ)</p> <p>III. Kết bài: 0.5đ</p> <p>- Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ và liên hệ bản thân (ý liên hệ bản thân HS có thể linh động đặt ở cuối thân bài hoặc kết bài đều được.)</p>	<p>6.0đ</p> <p>0.25đ</p> <p>0.25đ</p> <p>5.0đ</p>

	(GV tôn trọng sự sáng tạo của HS, không cứng nhắc rập khuôn theo đáp án, tuy nhiên HS cần bám sát chủ đề và có đưa ra các ý kiến bàn luận hợp lí, xác đáng).	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25đ
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0.25đ

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 13

I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

HOANG MẠC CHÂU PHI

Đứng ở giữa phòng bếp, chị nhìn cái bếp tự động đang kêu ro ro chuẩn bị bữa ăn tối cho bốn người. - Anh hiểu không, cái phòng trẻ đã thay đổi, nó hoàn toàn không còn là cái phòng như trước nữa. – Thôi được, chúng ta cùng vào xem sao.

Họ cùng đi theo hành lang của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” mà họ đã mua với giá ba mươi ngàn đô-la (với đầy đủ trang thiết bị), – ngôi nhà biết mặc quần áo cho họ, nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, hát cho họ nghe và chơi đùa với họ. Khi chỉ còn cách phòng trẻ năm bước chân, có một tiếng “tách” vang lên và đèn trong phòng bật sáng. Cả ở ngoài hành lang lúc họ đang đi cũng vậy, những bóng đèn cứ tự động lần lượt bật lên rồi tắt đi từng cái một.

[...] - Em cũng không biết nữa... - Chị lau nước mắt, ngồi vào chiếc ghế bành, chiếc ghế lập tức tự động lắc lư nhẹ. - Có thể, tại em có quá ít việc phải làm. Có thể, vì có quá nhiều thời gian để nghĩ ngợi. Tại sao chúng mình không khóa trái toàn bộ ngôi nhà trong vài ngày và đi đến một nơi nào đó nhỉ?

- Em muốn nói là em sẵn sàng rán trứng cho anh? – Vâng. - Chị gạt đầu.

- Và mang tất cho anh? – Vâng. - Chị lại gạt đầu lia lịa, mắt đầm đìa nước mắt.

- Rồi tự tay dọn dẹp nhà cửa? – Vâng, vâng... tất nhiên rồi.

- Còn anh thì cứ nghĩ rằng chúng ta mua ngôi nhà này chỉ cốt để không phải tự tay làm việc gì.

- Đúng thế. Nhưng trong ngôi nhà này em hầu như không còn ý nghĩa gì nữa. Vì ngôi nhà này vừa là người vợ, người mẹ, và người hầu. Lẽ nào em có thể đua tranh với cái hoang mạc Châu Phi. Lẽ nào em có thể tắm rửa cho các con nhanh và sạch bằng cái máy tắm tự động? Em không thể. Và vấn đề không phải chỉ ở mình em. Cả anh cũng thế. Thời gian gần đây em thấy anh căng thẳng một cách đáng sợ. – Có lẽ vì anh hút thuốc quá nhiều.

– Anh có cái vẻ như người không biết chui trốn vào đâu trong ngôi nhà này. Từ sáng sớm anh đã hút thuốc nhiều hơn mọi khi một chút, buổi tối anh cũng uống rượu nhiều hơn trước một chút, còn ban đêm anh phải uống hai viên thuốc ngủ, thay vì một viên như trước đây. Anh cũng bắt đầu cảm thấy anh là người thừa trong ngôi nhà này.

– Anh ấy à.... - Anh im lặng để cô thử nhìn lại mình từ con mắt người khác.

(Trích Hoang mạc châu Phi – Ray Bradbury)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyền thuyết
- C. Tùy bút
- D. Truyện khoa học viễn tưởng

Câu 2. Đoạn trích nói về đề tài nào?

- A. Một xã hội lí tưởng
- B. Ngôi nhà hiện đại kiểu “Tất cả cho hạnh phúc”
- C. Chinh phục vũ trụ

D. Du hành trong không gian

Câu 3. Đoạn trích trên là cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

- A. Người cha và con trai
- B. Người mẹ và con trai
- C. Người chồng và vợ của mình
- D. Người chồng và hàng xóm

Câu 4. Những công dụng đặc biệt của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” là gì?

- A. Ngôi nhà có chế độ tự động bật, tắt đèn
- B. Ngôi nhà có các vật dụng đặc biệt, có thể đưa họ đi khắp mọi nơi.
- C. Ngôi nhà có thể di chuyển đến nơi nào tùy ý
- D. Ngôi nhà biết mặc quần áo cho họ, nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, hát cho họ nghe và chơi đùa với họ.

Câu 5. Xác định thành phần chính và mở rộng thành phần chủ ngữ của câu văn sau:

“Chị gặt đâu. ”

Câu 6. Theo em, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích là gì?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ : “ Có công mài sắt, có ngày nên kim”

HẾT.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5

	4	D	0,5
	5	<p>-Hs xác định đúng thành phần chính của câu và mở rộng được thành phần chủ ngữ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Chị // gặt đầu.</i></p> <p style="text-align: center;">CN VN</p> <p>- Hs viết câu có mở rộng thành phần chủ ngữ, đúng ngữ nghĩa.</p>	1,0
	6	<p>- Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích:</p> <p>Không phải cuộc sống đầy đủ tiện nghi hiện đại thì con người sẽ được hạnh phúc. Hạnh phúc đến từ lao động, sự yêu thương và sẻ chia từ các thành viên trong gia đình.</p> <p><i>Học sinh có thể trình bày những thông điệp khác nhưng phải hợp lí thì vẫn cho điểm.</i></p>	1,0
II		VIẾT	6,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận đã học.</i>	0,5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài.</i> Nghị luận về câu tục ngữ	0,5
		<i>c. Viết bài văn nghị luận cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i> Mở bài: - Giới thiệu vấn đề về lòng kiên trì - Nêu ý kiến của bản thân về lòng kiên trì. Thân bài: 1. Giải thích nghĩa và biểu hiện của câu tục ngữ: - “Có công mài sắt , có ngày nên kim” là gì? - Biểu hiện của lòng kiên trì. 2. Bàn luận: Tại sao cần có sự kiên trì mới thành công? - Sự kiên trì là điều cần thiết để con người vượt qua mọi trở ngại. - Không có sự kiên trì, lòng quyết tâm thì không làm được gì. - Những người có đức kiên trì, nghị lực, ý chí đều thành công. - Kiên trì giúp ta vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thể qua được....	4,0

	<p>- Dẫn chứng:</p> <p>+ Thầy Nguyễn Ngọc Ký kiên trì tập viết bằng chân, đỗ Đại học Sư phạm, trở thành nhà giáo nổi tiếng</p> <p>+ Nguyễn Ái Quốc đã kiên trì học tập, nghiên cứu và đóng góp sức mình để đem lại độc lập cho dân tộc.</p> <p>+ Lương Định Của đã kiên nhẫn trong việc chế tạo trong sản xuất.</p> <p>.....</p> <p>3. Lật lại vấn đề</p> <p>- Những người thiếu ý chí, buông xuôi khi gặp thất bại, nản lòng khi gặp khó khăn.</p> <p>Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại Khẳng định tính đúng đắn của câu tục ngữ</p> <p>- Bài học bản thân.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.</i></p>	0,5

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 14

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÁ SÁU LÊN BỜ

a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:

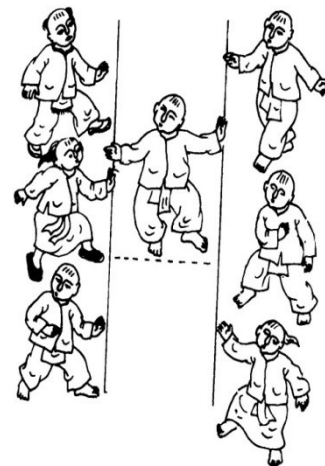
- Góp phần rèn luyện thân thể và kỹ năng chạy nhảy... cho người chơi.
- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, đoàn kết, tinh thần tập thể, giúp đỡ lẫn nhau.

b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:

- Số lượng người chơi khoảng từ 8 - 10 người chơi, nếu đông có thể chia thành nhiều nhóm.
- Địa điểm chơi là sân nhà, sân trường... rộng rãi, sạch sẽ, bằng phẳng để làm sông, có kẻ vạch hai bên quy định là bờ.

c. Hướng dẫn cách chơi:

- Chuẩn bị chơi:
- + "Oẳn tù tì" chọn một người chơi làm "cá sáu".
- + Các người chơi đứng hai bên bờ.
- Bắt đầu chơi: Khi có hiệu lệnh, người chơi làm "cá sáu" đi lại giữa hai vạch tìm bắt người chơi nào ở dưới nước hoặc thò chân



xuống nước (nhảy ra khỏi vạch hoặc thò chân xuống vạch). Để sinh động, người qua sông, đứng trên bờ chọc tức "cá sấu", thò chân xuống dụ dỗ "cá sấu" chạy đến bắt, khi "cá sấu" đến thì lại rút chân lên, chạy nhảy từ bờ này sang bờ bên kia, vừa chạy nhảy vừa hát "cá sấu, cá sấu lên bờ..." để thu hút "cá sấu". "Cá sấu" chạy ngược xuôi để cố gắng bắt được các người chơi, người chơi nào xuống sông mà nhảy lên bờ không kịp bị cá sấu bắt được phải thay thế làm "cá sấu".

d. Luật chơi:

- Người chơi qua sông thì không được nửa chừng quay lại, dù vòng vèo lên xuống nhưng cứ phải sang bờ bên kia mới được... "Cá sấu" không được dùng tay kéo người trên bờ xuống sông nếu người đó không thò chân xuống sông hoặc nhảy xuống sông.

(Trích trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2014)

Câu 1: Văn bản “Cá sấu lên bờ” thuộc thể loại nào ?

- A. Văn bản nghị luận.
- B. Văn bản truyện ngụ ngôn.
- C. Văn bản truyền thuyết
- D. Văn bản thông tin.

Câu 2: Thông tin trong mục “*Hướng dẫn cách chơi*” được triển khai theo cách nào là chính?

- A. Theo trình tự thời gian.
- B. Theo trình tự không gian.
- C. Theo quan hệ nhân quả.
- D. Theo diễn biến tâm lí .

Câu 3: Từ *một* trong câu: “*Oẳn tù tì*” chọn một người chơi làm “cá sấu” là:

- A. Danh từ.
- B. Động từ.
- C. Tính từ.
- D. Số từ.

Câu 4: Phần in đậm trong **câu b** được mở rộng thành phần nào?

a. **Khi có hiệu lệnh**, người chơi làm "cá sấu" đi lại giữa hai vạch tìm bắt người chơi nào ở dưới nước hoặc thò chân xuống nước.

b. **Khi có hiệu lệnh của trọng tài**, người chơi làm "cá sấu" đi lại giữa hai vạch tìm bắt người chơi nào ở dưới nước hoặc thò chân xuống nước

- A. Chủ ngữ
- B. Vị ngữ
- C. Trạng ngữ.
- D. Cả chủ ngữ và vị ngữ.

Câu 5: Theo em, giữa trò chơi dân gian và trò chơi điện tử em thích trò chơi nào hơn? Vì sao?

Câu 6: Ngày nay, trò chơi dân gian có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? (trình bày 2-3 câu).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Nhân dân ta từ xưa đến nay luôn có truyền thống “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ trên.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí.	1,0
	6	HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí, trình bày trong 2- 3 câu.	1,0
II		VIẾT	6,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Trình bày suy nghĩ của em về một vấn đề trong đời sống.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:	5,0
		. Mở bài: giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu được ý kiến của mình về vấn đề đó. . Thân bài - Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của câu tục ngữ. - Nêu được ít nhất 2 lí lẽ, dẫn chứng phù hợp - Lật vấn đề phù hợp, bổ sung ý kiến để cách nhìn vấn đề thêm toàn diện Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề - Đề xuất giải pháp, nêu bài học nhận thức....	0,75 1,0 1,5 1,0 0,75

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 15

I/ ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhom nhóp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đồng đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trắng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đồng đá ngổn ngang. ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng

cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lành nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”

(Trích Chương 33-Hai vạn dặm dưới đáy biển- Jules Verne; Lê Anh (Đỗ Ca Sơn) dịch từ bản tiếng Nga; Nhà xuất bản Văn học)

Câu 1: Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào? (0,5đ)

- A. Văn bản truyện ngụ ngôn
- B. Văn bản thông tin
- C. Văn bản khoa học viễn tưởng
- D. Văn bản tản văn, tùy bút

Câu 2: Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ? (0,5đ)

- A. Lửa cháy trong nước
- B. Đồng xương khô
- C. Các loại động vật kì lạ
- D. Những ngọn núi dưới đáy biển

Câu 3: Thuyền trưởng Nê-mô được so sánh với ai? (0,5đ)

- A. Vị thần núi
- B. Vị thần biển
- C. Vị thần ánh sáng
- D. Vị thần không lồ

Câu 4: Trong các câu dưới đây câu văn nào sử dụng số từ? (0,5đ)

- A. Một ánh hào quang trắng trắng phát ra từ phía ngọn núi [...].
- B. Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi.
- C. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi
- D. Đáy biển ngày càng nhiều đá

Câu 5: Theo em, việc khám phá, thám hiểm những miền đất lạ có quan trọng đối với mỗi người hay không? Vì sao? (1đ)

Câu 6: Em hãy nêu hai cách để có thể khám phá được những vùng đất mới lạ. (1đ)

II. Làm văn (6,0 điểm)

Đề: Suy nghĩ về câu tục ngữ : “ Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN NGỮ VĂN 7

[illegible]

	<p>điều đó.</p> <p>Nếu chúng ta tự cô lập bản thân, sống một mình, tách mình với tập thể, với xã hội, chúng ta sẽ không nhận được sự giúp đỡ, lâu dần sẽ tự hủy bản thân.</p> <p>Người sống có tập thể, biết nhìn trước nhìn sau, xây dựng một xã hội đoàn kết sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng.</p> <p>c. Chứng minh</p> <p>Học sinh tự lấy dẫn chứng minh họa cho bài làm của mình.</p> <p>Lưu ý: dẫn chứng xác thực, nổi bật, tiêu biểu, được nhiều người biết đến.</p> <p>Gợi ý: Trong thời kì dịch bệnh như hiện nay, cả nước ta đoàn kết một lòng chống dịch. Trong thời kì lịch sử trước đây khi bị quân giặc đô hộ, nước ta đoàn kết đồng tâm hiệp lực chống lại kẻ thù vô cùng mạnh để lấy lại độc lập tự do,...</p> <p>d. Phản biện</p> <p>Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người tự tách mình ra khỏi khối sức mạnh của cộng đồng, tự cô lập bản thân, sống vị kỉ, chỉ biết đến bản thân mình mà không nghĩ cho người khác cũng như cho lợi ích chung của xã hội, ... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn lên án, chỉ trích.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>Khái quát lại ý nghĩa và tầm quan trọng của câu tục ngữ: Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân.</p>	0,5đ
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.</p>	0,25

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 16

I. Đọc – Hiểu (4 điểm)

Chúng tôi đi chùng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhom nhóp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đồng đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên.

(Trích Chương 33-Hai vạn dặm dưới đáy biển- Junles Verne; Lê Anh (Đỗ Ca Sơn)
dịch từ bản tiếng Nga; Nhà xuất bản Văn học)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện ngụ ngôn
- B. Truyện đồng thoại

C. Truyện khoa học viễn tưởng

D. Truyện thần thoại

Câu 2: Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ?

A. Lửa cháy trong nước

B. Đồng xương khô

C. Các loại động vật kì lạ

D. Những ngọn núi dưới đáy biển

Câu 3: Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?

“Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”

A. Mở rộng thành phần chủ ngữ

B. Mở rộng thành phần trạng ngữ

C. Mở rộng thành phần vị ngữ.

D. Mở rộng cả chủ ngữ và vị ngữ.

Câu 4: Đoạn văn trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ ba.

B. Ngôi thứ nhất.

C. Ngôi thứ hai.

D. Kết hợp nhiều ngôi kể.

Câu 5: Nêu nội dung chính của đoạn trích

Câu 6: Theo em, việc khám phá, thám hiểm những miền đất lạ có quan trọng đối với mỗi người hay không? Vì sao?

II. Làm văn (6 điểm)

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Năm học 2022-2023

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	-HS nêu được nội dung chính của đoạn trích: + <i>Đoạn trích nói về trải nghiệm của nhân vật tôi ở dưới lòng đại dương.</i> + <i>Nhân vật “tôi” đã được nhìn thấy những điều mới lạ, từ đó có những cảm xúc bất ngờ đầy thú vị.</i> (<i>Chấp nhận ý kiến khác nếu hợp lý</i>)	1,0
	6	- HS trả lời CÓ hoặc KHÔNG Giải thích hợp lý (<i>Chấp nhận ý kiến khác nếu hợp lý</i>)	1,0
II		VIẾT	6,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài: Giới thiệu câu tục ngữ “ <i>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</i> ” Thân bài: - Giải thích - Nêu luận điểm, nêu lí lẽ, nêu dẫn chứng - Phản đề (lật ngược vấn đề) - Rút ra bài học Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ.	0,5

	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ “<i>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</i>”.</p>	0,5
	<p><i>c. Trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.</i> * Giải thích được “<i>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây</i>” là gì? - Giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng * Nêu ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng - Biết ơn là một truyền thống tốt đẹp - Biết ơn là một đức tính cần có của con người - Lòng biết ơn giúp cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn ... * Lật lại vấn đề - Lối sống vô ơn, lạnh nhạt, thờ ơ ... * Rút ra bài học</p>	4,0
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bộ cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm.</p>	0,5